

Bản án số: 80/2020/DS-ST  
Ngày 16/9/2020  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Ngọc Diệp;

Bà Nguyễn Hồng Gấm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2020/TLST- DS ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số /2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S; trụ sở: 266- 268 N, phường 8, quận 3, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Quốc D, chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro của Ngân hàng TMCP S, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/5/2020), có đơn xin giải quyết vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông La Thanh T, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: 36/9 khu phố H, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 5 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, anh Nguyễn Quốc D trình bày:**

Ngày 26/9/2014, Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông La Thanh T, bà Nguyễn Thị Ngọc H ký kết “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1426900262”. Theo đó Ngân hàng đồng ý cho ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H vay số tiền 230.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 10%/năm (tương đương với 0,83%/ tháng), lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được áp dụng trong 06

tháng đầu tiên và Ngân hàng điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần theo cách tính như sau: Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 13 tháng trả cuối kỳ của bên cho vay cộng biên độ 4%/năm. Trường hợp nợ quá hạn do chậm trả nợ gốc Bên vay đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc của kỳ hạn đúng hạn do Sacombank xác định tại thời điểm phát sinh và tối đa không vượt mức lãi suất quy định của pháp luật (nếu có). Mục đích vay mua xe ô tô, thời hạn vay 60 tháng, tính từ ngày 26/9/2014 đến ngày 26/9/2019. Phương thức thanh toán: Trả góp theo dư nợ giảm dần hàng tháng căn cứ lịch trả nợ.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H đã thế chấp xe ô tô hiệu WEAM, loại xe ô tô tải, biển số 61C – 127.51 được Công an tỉnh B cấp cho ông La Thanh T ngày 30/9/2014. Tài sản trên đã qua đăng ký chứng nhận giao dịch bảo đảm có hiệu lực từ 11 giờ 02 phút ngày 22/10/2014 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đ.

Từ ngày 26/12/2017, ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H ngừng trả gốc và lãi cho ngân hàng. Tính đến thời điểm ngày 15/9/2020, ông T và bà H còn nợ số tiền 135.505.365 đồng (gồm tiền nợ gốc là 79.794.700 đồng; lãi trong hạn là 31.140.443 đồng; lãi quá hạn là 18.570.222.000 đồng). Do ông T và bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 15/9/2020 là 135.505.365 đồng. Trong trường hợp ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản là xe ô tô nhãn hiệu WEAM, loại xe ô tô tải, màu sơn: xanh, số khung F118DLF01671, số máy J2667077, kiểu FOXTL1, biển kiểm soát 61C – 127.51 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004205 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh B cấp ngày 30/9/2014 cho ông La Thanh T để thu hồi nợ. Tài sản đã qua đăng ký chứng nhận giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án số: 1167591669, hiệu lực vào hồi 11 giờ 02 phút, ngày 22/10/2014 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đ. Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 16/9/2020 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1426900262” ngày 26/9/2014 mà các bên đã ký kết cho đến khi ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H trả hết nợ.

*Đối với bị đơn ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết công khai và thông báo cho đương sự vắng mặt trên phương tiện thông tin đại chúng để yêu cầu ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của Ngân hàng TMCP S cũng như cung cấp các chứng cứ liên quan đến việc thực hiện “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1426900262” ngày 26/9/2014 nhưng ông T và bà H không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Ngày 12/8/2020, Tòa án triệu tập ông T và bà H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T và bà H đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông T và bà H tham gia phiên tòa vào ngày 28/8/2020 và ngày 16/9/2020 nhưng ông T và bà H vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố D nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 thì *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Từ ngày 26/12/2017, ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H không thanh toán tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Ngày 13/5/2020, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà H thanh toán số tiền còn nợ nên thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng vẫn còn.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H để tham gia phiên tòa vào các ngày 28/8/2020 và ngày 16/9/2020 nhưng ông T và bà H vắng mặt không rõ lý do. Ngày 12/8/2020, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S nộp đơn từ chối hòa giải và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông T và bà H.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ bằng hình thức niêm yết công khai và thông báo cho đương sự vắng mặt trên phương tiện thông tin đại chúng như báo Người Lao động; Đài tiếng nói Việt Nam – Cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông T và bà H đều vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp bất cứ chứng cứ gì khác. Vì vậy, ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải gánh chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[4] Xét “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1426900262” ngày 26/9/2014 được giao kết giữa Ngân hàng TMCP S với ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T và bà H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ. Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác nhận tính đến ngày 26/12/2017 thì ông T và bà H mới chỉ thanh toán được tổng số tiền 150.205.300 đồng tiền nợ gốc và 2.676.385 đồng tiền lãi. Từ ngày 27/12/2017 đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện, ông T và bà H không thanh toán tiếp số tiền nợ đến hạn, như vậy ông T và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông La

Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H thanh toán toàn bộ khoản nợ tới hạn, tạm tính đến ngày 15/9/2020 là 135.505.365 đồng (gồm tiền nợ gốc là 79.794.700 đồng; lãi trong hạn là 31.140.443 đồng; lãi quá hạn là 18.570.222.000 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về nợ lãi: Căn cứ Điều 6 của “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1426900262” ngày 26/9/2014 thì lãi suất các bên thỏa thuận là 10%/năm (tương đương với 0,83%/ tháng), lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được áp dụng trong 06 tháng đầu tiên và Ngân hàng điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần theo cách tính như sau: Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 13 tháng trả cuối kỳ của bên cho vay cộng biên độ 4%/năm. Trường hợp nợ quá hạn do chậm trả nợ gốc Bên vay đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc của kỳ hạn đúng hạn do S xác định tại thời điểm phát sinh và tối đa không vượt mức lãi suất quy định của pháp luật (nếu có). Đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định mức lãi suất ở thời điểm khởi kiện là 17,4%/năm (tương đương 1,45%/tháng) và lãi suất quá hạn bằng 50% của lãi suất trong hạn. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 quy định “... Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa hai bên đã được ký kết là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là lãi suất do các bên thỏa thuận. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi quá hạn còn thiếu là 55.710.665 đồng tính đến ngày 15/9/2020. Ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 16/9/2020 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng số “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1426900262” ngày 26/9/2014 mà các bên đã ký kết là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ phát sinh từ “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1426900262” ngày 26/9/2014 tạm tính đến ngày 15/9/2020 là 135.505.365 (một trăm ba mươi lăm triệu năm trăm lẻ năm nghìn, ba trăm sáu mươi lăm) đồng; gồm tiền nợ gốc là 79.794.700 (bảy mươi chín triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn, bảy trăm) đồng; lãi trong hạn là 31.140.443 (ba mươi một triệu một trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi ba) đồng; lãi quá hạn là 18.570.222 (mười tám triệu năm trăm bảy mươi nghìn, hai trăm hai mươi hai) đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 16/9/2020 cho đến khi ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1426900262” ngày 26/9/2014 .

Trường hợp ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H không thanh toán thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu WEAM, loại xe ô tô tải, màu sơn: xanh, số khung F118DLF01671, số máy J2667077, kiểu FOXTL1, biển kiểm soát 61C – 127.51 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004205 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh B cấp ngày 30/9/2014 cho ông La Thanh T để thu hồi nợ;

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông La Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 6.775.268 (Sáu triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, hai trăm sáu mươi tám) đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 3.143.000 (ba triệu một trăm bốn mươi ba nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0040556 ngày 21/5/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố D.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thắm**